TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- HUẾ** **THÀNH PHỐ HUẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21A/2026/DS-ST
Ngày: 26/03/2026
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hương Lan.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Mai Thị Toán.
2. Bà Đoàn Thị Thanh Nhàn.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Vân - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1-Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Huế: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 26 tháng 03 năm 2026 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1-Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 175/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 6 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2026/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 01 năm 2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2026/QĐST- DS ngày 27/01/2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP S (S1);**

Địa chỉ: Số B N, phường V, Quận C, thành phố Hồ Chí Minh (nay là phường X, thành phố H).

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Vũ Minh Q,chức vụ: giám đốc Trung tâm xử lý nợ S1; Bà Lê Thị Thu H, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ.

Người ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Đoàn Nguyễn Thanh T, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ (Theo giấy ủy quyền số 6385/2025/UQ.XLN ngày 11 tháng 12 năm 2025).

- *Bị đơn:* **Ông Trần Đăng L, sinh năm: 1983;** Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ dân phố P, phường D, quận T, thành phố H (nay là phường D, thành phố H). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/04/2025, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Ông Trần Đăng L được Ngân hàng TMCP S cấp tín dụng theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm Hợp đồng và Điều khoản và Điều kiện đính kèm (HĐTD).

Thông tin cụ thể như sau:

- Số thẻ 436438-4124 ngày cấp 10/01/2023 phê duyệt hạn mức thẻ tín dụng với số tiền: 50.000.000 đồng (số tiền bằng chữ: Năm mươi triệu đồng). Lãi suất 2,482%/tháng (theo Quyết định số 2661/2022/QĐ-TTT ngày 28/10/2022). Lãi suất quá hạn: 3,72%/tháng (tương đương lãi suất trong hạn x 150%=2,48% x150%).

- Hợp đồng vay tín chấp số LD0000188706 (số thẻ 211251-6095) ngày cấp 17/01/2023 phê duyệt hạn mức thẻ tín dụng với số tiền: 45.000.000 đồng (số tiền bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng). Lãi suất góp đều 16,8%/năm, tương đương 1,4%/tháng. Khi khách hàng nợ quá hạn, hệ thống sẽ chuyển khoản vay góp đều sang giảm dần để tính lãi quá hạn theo công thức: X=2*n*r/(n+1) ⇔ X=2*24*1,4%/(24+1)=2,688%/tháng. Lãi suất giảm dần: 2,688%/tháng. Lãi suất quá hạn: 4,03%/ tháng, quy đổi 0,1388%/ngày.

Trong quá trình sử dụng thẻ, ông Trần Đăng L nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng TMCP S đã chuyển khoản cấp tín dụng thành nợ quá hạn.

Mặc dù S1 thường xuyên đôn đốc, làm việc trực tiếp để yêu cầu Ông L có trách nhiệm thanh toán khoản cấp tín dụng quá hạn. Tuy nhiên, Ông L vẫn chưa thanh toán cho S1 theo quy định tại Hợp đồng tín dụng đã ký.

Tính đến ngày 26/03/2026, ông Trần Đăng L còn nợ ngân hàng tổng số tiền 75.594.911 đồng, trong đó, nợ gốc là 35.957.618 đồng, nợ lãi 39.637.293 đồng. Cụ thể:

- Đối với thẻ tín dụng số 436338-4124, dư nợ gốc là 612.618 đồng, lãi quá hạn 589.005 đồng, tổng cộng 1.201.623 đồng.

- Đối với thẻ tín dụng số 21151-6095, dư nợ gốc là 35.345.000 đồng, lãi quá hạn 39.048.288 đồng, tổng cộng 74.393.288 đồng.

Nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Do đó, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa chấp nhận các yêu cầu sau: Buộc ông Trần Đăng L phải trả ngay cho Ngân hàng TMCP S số tiền tạm tính đến ngày 26/03/2026 là 75.594.911 đồng (bằng chữ: Bảy mươi lăm triệu năm trăm chín mươi tư nghìn chín trăm mười một đồng), trong đó, nợ gốc là 35.957.618 đồng, nợ lãi 39.637.293 đồng. Buộc ông Trần Đăng L phải trả khoản lãi phát sinh từ ngày 27/03/2026 cho đến khi trả dứt khoản cấp tín dụng theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng và các Thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, các phụ lục đính kèm (nếu có).

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Đăng L nhưng ông Trần Đăng Lưu K đến Tòa án làm việc, cũng không ủy quyền cho người khác tham gia tố tụng nên không có lời khai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, Tòa án xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng phát sinh giữa tổ chức tín dụng với cá nhân vay vốn, thuộc loại tranh chấp về dân sự được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn

ông Trần Đăng L có địa chỉ tại Tổ dân phố P, phường D, thành phố H nên căn cứ điều 35, điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1- Huế.

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng của nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Đăng L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ hai lần để tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan, không có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông Trần Đăng Lưu K đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự chối bỏ thực hiện quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Tòa án căn cứ các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và tài liệu thu thập được để giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Về giao dịch giữa các bên: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301103908 đăng ký thay đổi lần thứ 41, ngày 26/12/2022 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H cấp thì Ngân hàng thương mại cổ phần S (S1) có tư cách pháp nhân, thực hiện hoạt động tín dụng theo khoản 1 Điều 6 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

Các giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng cá nhân ký ngày 09/01/2023 và giấy đề nghị kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy nhận nợ ký ngày 17/01/2023 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S và ông Trần Đăng L là hợp đồng tín dụng bảo đảm theo quy định tại Điều 344 và Điều 345 Bộ luật dân sự. Thoả thuận giữa ông Trần Đăng L và Ngân hàng X từ sự tự nguyện, nội dung có các điều khoản, hình thức tuân thủ quy định của pháp luật. Do đó các hợp đồng trên là hợp pháp và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với các Điều 385, Điều 398 và Điều 401 của Bộ luật dân sự năm 2015. Các bên phải thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo thoả thuận của hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng.

[2.2]. Về yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S, thấy rằng: Quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng TMCP S đã thực hiện đầy đủ phần nghĩa vụ của mình, Ngân hàng đã cấp các thẻ tín dụng cho ông Trần Đăng L theo nhu cầu và đề nghị của ông Trần Đăng Lưu . Về lãi suất trong hạn là lãi suất được tính theo Biểu phí lãi suất do S1 công bố trong từng thời kỳ. Lãi suất quá hạn là mức lãi suất tối đa bằng 150% lãi suất trong hạn.

Do quá trình thực hiện hợp đồng, ông Trần Đăng L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thời hạn thanh toán theo cam kết với Ngân hàng thương mại cổ phần S, cụ thể: Đối với thẻ tín dụng số 436438-4124 đã chuyển quá hạn từ ngày 06/02/2023 và thẻ tín dụng số 211251-6095 đã chuyển quá hạn từ ngày 26/12/2023.

Tính đến ngày 26/3/2026 ông Trần Đăng L còn nợ Ngân hàng TMCP S tổng số tiền là 75.594.911 đồng, trong đó, nợ gốc là 35.957.618 đồng, nợ lãi 39.637.293 đồng. Cụ thể:

- Đối với thẻ tín dụng số 436338-4124, dư nợ gốc là 612.618 đồng, lãi quá hạn 589.005 đồng, tổng cộng 1.201.623 đồng.

- Đối với thẻ tín dụng số 21151-6095, dư nợ gốc là 35.345.000 đồng, lãi quá hạn 39.048.288 đồng, tổng cộng 74.393.288 đồng.

Do đó, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng TMCP S về việc buộc ông Trần Đăng L phải trả nợ gốc và lãi với số tiền trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, Điều 282 và Điều 466 Bộ luật dân sự nên có căn cứ chấp nhận.

Đối với yêu cầu của ngân hàng TMCP S về việc buộc ông Trần Đăng L phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết tính từ ngày 27/03/2026 cho đến khi trả hết khoản nợ, thấy rằng: yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với các điều khoản hai bên đã thoả thuận trong giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng cũng như quy định tại điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 10/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn ông Trần Đăng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 75.594.911 đồng là 75.594.911 x 5%= 3.779.745 đồng (làm trong thành 3.780.000 đồng).

H1 lại số tiền tạm ứng án phí 1.307.085 đồng cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0050740 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh).

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 điều 26; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 1 điều 147; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 3 điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 91; khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); các điều 280, Điều 282; Điều 429; Điều 351; Điều 385; Điều 398; Điều 401; Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 7, Điều 8, Điều 12; Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 10/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

2. Buộc ông Trần Đăng L phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP S số tiền 75.594.911 đồng, trong đó, nợ gốc là 35.957.618 đồng, nợ lãi 39.637.293 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 27/3/2026) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong giấy đề nghị kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu

không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn ông Trần Đăng L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.780.000 đồng.

H1 lại số tiền tạm ứng án phí 1.307.085 đồng cho Ngân hàng TMCP S theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0050740 ngày 14/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11, thành phố Hồ Chí Minh).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 1- Huế;
- Chi cục THADS quận 11, tp Hồ Chí Minh(nay là Phòng THADS khu vực 3, tp Hồ Chí Minh);
- Các đương sự;
- Lưu dán án;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hương Lan